



CẨM NANG PHÁP LÝ VỀ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI



Biên soạn: Thành viên sáng lập, Luật sư **Vũ Thị Phương Thanh**

Với sự đóng góp của: Luật sư **Trần Mỹ Lê** và **các cộng sự**



TRUSTED
LEGAL
SOLUTIONS



CÔNG TY LUẬT TNHH TLA

Trụ sở: Tầng 1, BT16B6-23, Khu đô thị mới Mỗ Lao, Phường Mỗ Lao, Quận Hà Đông, Hà Nội

Email: info@tlalaw.vn | **Tel:** (+84)906 246 464 | **Web:** <http://www.tlalaw.vn>

MỤC LỤC

PHẦN I: NGHIÊN CỨU VÀ LẬP DỰ ÁN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI 7

1.	Nghiên cứu, lựa chọn thị trường đầu tư ra nước ngoài	7
2.	Lựa chọn hình thức đầu tư ra nước ngoài	11
3.	Các vấn đề pháp lý khi đầu tư ra nước ngoài	11
4.	Lập dự án/đề xuất đầu tư	14
5.	Rủi ro và thách thức khi đầu tư ra nước ngoài	14

PHẦN II: THỦ TỤC ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI 15

1.	Quy trình đầu tư ra nước ngoài của pháp luật Việt Nam	15
2.	Điều kiện cấp giấy chứng nhận đầu tư	17
3.	Chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài	17
4.	Sử dụng lợi nhuận từ hoạt động đầu tư ra nước ngoài	18
5.	Báo cáo đầu tư ra nước ngoài	19
6.	Điều chỉnh dự án đầu tư ra nước ngoài	19
7.	Chấm dứt dự án đầu tư ra nước ngoài	20
8.	Hồ sơ thực hiện thủ tục đầu tư ra nước ngoài	20

PHẦN III. CASE STUDY 24

1.	CASE STUDY 1: Công ty sản xuất và thương mại gỗ tại Việt nam đầu tư sang Châu Phi	25
2.	CASE STUDY 2: Start up công nghệ Việt gọi vốn qua SPV thành lập tại Singapore	26
3.	CASE STUDY 3: Công ty công nghệ đầu tư sang Nhật Bản để mở rộng thị trường	27



DANH SÁCH TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Luật Đầu tư số 61/2020/QH14** ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội
2. **Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-VPQH** ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Văn phòng Quốc hội hợp nhất Luật Đầu tư
3. **Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14** ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội
4. **Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-VPQH** ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Văn phòng Quốc hội hợp nhất Luật Doanh nghiệp
5. **Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11** ngày 13 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội
6. **Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-VPQH** ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Văn phòng Quốc hội hợp nhất Pháp lệnh ngoại hối
7. **Nghị định số 31/2021/NĐ-CP** ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư
8. **Nghị định số 135/2015/NĐ-CP** ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài
9. **Văn bản hợp nhất số 08/VBHN-NHNN** ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Ngân hàng Nhà nước hợp nhất Nghị định quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài
10. **Nghị định số 70/2014/NĐ-CP** ngày 17 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối
11. **Nghị định số 01/2021/NĐ-CP** ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp
12. **Nghị định số 132/2024/NĐ-CP** ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí
13. **Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT** ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư
14. **Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT** ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư
15. **Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT** ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp
16. **Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT** ngày 18 tháng 4 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp
17. **Thông tư số 20/2015/TT-NHNN** ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của người cư trú là tổ chức
18. **Thông tư 12/2016/TT-NHNN** ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài
19. **Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-NHNN** ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Ngân hàng Nhà nước hợp nhất Thông tư hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.
20. **Thông tư số 24/2022/TT-NHNN** ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối.

ĐỊNH NGHĨA VÀ VIẾT TẮT

1. “Bộ Tài chính” hay “Bộ Kế hoạch và Đầu tư”

• Là cơ quan nhà nước có chức năng quản lý hoạt động đầu tư ra nước ngoài. Ấn phẩm này ra đời trong thời gian Nhà nước Việt Nam đang tái cấu trúc bộ máy. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã được sáp nhập vào Bộ Tài chính nhưng các thông tin, văn bản pháp luật vẫn chưa được cập nhật kịp thời. Do vậy, thuật ngữ Bộ Tài chính hay Bộ Kế hoạch và Đầu tư đều có nghĩa là Bộ Tài chính sau khi sáp nhập.

2. Luật Đầu tư

• Là Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

3. Nghị định 31/2021/NĐ-CP

• Là Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

4. “Nước tiếp nhận đầu tư” hay “nước sở tại”

• Là quốc gia mà doanh nghiệp dự kiến hoặc đã đầu tư ra nước ngoài.



Hoạt động đầu tư ra nước ngoài là việc nhà đầu tư chuyển vốn đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài, sử dụng lợi nhuận thu được từ nguồn vốn đầu tư này để thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh ở nước ngoài.

Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính), lũy kế đến hết năm 2024, Việt Nam đã có gần 2000 dự án đầu tư ra nước ngoài còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư Việt Nam gần 23 tỷ đô la Mỹ. Trong đó, các nhà đầu tư Việt Nam đã đầu tư ra nước ngoài tập trung nhiều nhất vào các ngành khai khoáng (chiếm 31% vốn); nông, lâm nghiệp, thủy sản (chiếm 15% vốn) và thông tin truyền thông (chiếm 12,6% vốn). Dẫn đầu thị trường tiếp nhận đầu tư là Lào và Campuchia.

Những con số nêu trên thể hiện sự vươn mình mạnh mẽ của doanh nghiệp Việt Nam ra thế giới trong thời gian vừa qua. Bên cạnh việc thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam thì chúng ta cũng khuyến khích, thúc đẩy việc đầu tư ra nước ngoài, nhằm mở rộng thị trường, tiếp cận nguồn nguyên vật liệu tại các quốc gia, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, không phải doanh nghiệp nào cũng có sự nghiên cứu đầy đủ về việc đầu tư ra nước ngoài cũng như nắm được thủ tục đầu tư ra nước ngoài. Nhiều doanh nghiệp nghĩ rằng, chỉ cần có vốn và ý tưởng hay là có thể đầu tư ra nước ngoài. Nhưng rồi họ nhanh chóng nhận ra rằng thủ tục pháp lý, chuyển tiền, rủi ro chính sách và cả văn hóa kinh doanh đều trở thành rào cản nếu không có sự hiểu biết tường tận.

Do vậy, với ấn phẩm này, Công ty Luật TNHH TLA hi vọng có thể cung cấp cho các nhà đầu tư những bước tìm hiểu đầu tiên về hoạt động đầu tư ra nước ngoài nhiều cơ hội nhưng cũng đầy thách thức này. Cẩm nang này sẽ giúp nhà đầu tư:

- Hiểu cách chọn thị trường đầu tư phù hợp
- Nắm được các bước pháp lý để đầu tư ra nước ngoài
- Biết cách chuyển tiền hợp pháp, giảm thiểu rủi ro
- Nắm rõ nghĩa vụ của mình trong quá trình đầu tư ra nước ngoài theo pháp luật Việt Nam
- Giảm thiểu thời gian, chi phí phát sinh trong quá trình đầu tư ra nước ngoài



PHẦN I: NGHIÊN CỨU VÀ LẬP DỰ ÁN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

1. NGHIÊN CỨU, LỰA CHỌN THỊ TRƯỜNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh tại thị trường trong nước ngày càng khốc liệt, việc đầu tư ra nước ngoài không chỉ là xu hướng mà còn là chiến lược phát triển tất yếu của nhiều doanh nghiệp Việt Nam. Tuy nhiên, để đảm bảo hiệu quả và giảm thiểu rủi ro, nhà đầu tư cần đánh giá toàn diện nhiều yếu tố trước khi quyết định lựa chọn quốc gia đầu tư. Dưới đây là 10 nhóm tiêu chí cốt lõi mà doanh nghiệp cần xem xét kỹ lưỡng trong quá trình ra quyết định.

Mục tiêu đầu tư và chiến lược kinh doanh

Nhà đầu tư cần xác định rõ lý do đầu tư ra nước ngoài như mở rộng thị trường, tối ưu chi phí hay tiếp cận công nghệ... Việc xác định mục tiêu giúp định hướng chiến lược đầu tư phù hợp với năng lực và định hướng phát triển dài hạn của doanh nghiệp. Nếu mục tiêu là mở rộng thị trường, nhà đầu tư nên ưu tiên các quốc gia có nhu cầu tiêu dùng cao và ít rào cản thương mại. Nếu mục tiêu là tối ưu chi phí, cần phân tích kỹ chi phí lao động, thuê đất, và vận hành tại quốc gia đó. Việc thiếu rõ ràng trong mục tiêu có thể dẫn đến lựa chọn sai thị trường, gây lãng phí nguồn lực.

Tính ổn định chính trị của nước tiếp nhận đầu tư

Tình hình chính trị ổn định giúp bảo vệ khoản đầu tư khỏi các biến động bất ngờ. Nhà đầu tư cần theo dõi các chỉ số như xếp hạng rủi ro quốc gia, chỉ số tham nhũng, và mức độ tự do kinh tế. Các yếu tố như xung đột, trừng phạt quốc tế, chiến tranh thương mại hay thay đổi chính phủ cũng có thể ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh.

Môi trường pháp lý và chính sách đầu tư

Một hệ thống pháp luật minh bạch và ổn định tạo nền tảng cho đầu tư an toàn. Nhà đầu tư cần nghiên cứu kỹ các quy định về đầu tư nước ngoài, chính sách quốc hữu hóa, các giới hạn cũng như hỗ trợ cho nhà đầu tư nước ngoài, mức độ thuận lợi của các thủ tục hành chính của nước sở tại.

Thuế và ưu đãi đầu tư

Chính sách thuế ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của dự án đầu tư. Việc so sánh thuế suất, ưu đãi thuế và các hiệp định tránh đánh thuế hai lần là cần thiết trong việc ra quyết định đầu tư. Một số quốc gia thu hút dòng vốn FDI bằng việc miễn, giảm thuế trong thời gian đầu hoặc các chính sách ưu đãi về tiền thuê đất hay chính sách bù đắp cho việc đánh thuế tối thiểu toàn cầu.

Hệ thống tài chính và chuyển tiền quốc tế

Khả năng chuyển lợi nhuận, vốn đầu tư và thanh toán quốc tế đảm bảo cho dòng tiền của doanh nghiệp ổn định. Nhà đầu tư cần đánh giá mức độ tự do hóa tài chính của quốc gia đầu tư, bao gồm khả năng mở tài khoản ngân hàng, chuyển tiền ra vào và quy định về kiểm soát ngoại hối.

Chi phí và cơ sở hạ tầng

Nhà đầu tư cần phân tích toàn diện các loại chi phí bao gồm: chi phí lao động, thuê đất, xây dựng, logistics, năng lượng và chi phí tuân thủ pháp lý. Ngoài ra, cần đánh giá chất lượng và mức độ sẵn có của cơ sở hạ tầng như giao thông, cảng biển, sân bay, viễn thông và năng lượng. Hạ tầng yếu kém có thể làm tăng chi phí vận chuyển, kéo dài thời gian giao hàng và ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng.

Nguồn nhân lực và công nghệ

Trước khi quyết định đầu tư, nhà đầu tư cần đánh giá trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, khả năng ngoại ngữ và thái độ làm việc của lực lượng lao động địa phương. Nhà đầu tư cũng cần xem xét mức độ sẵn có của nhân sự trong các ngành nghề đặc thù như công nghệ thông tin, kỹ thuật, logistics hoặc tài chính.

Về mặt công nghệ, nhà đầu tư nên đánh giá khả năng tiếp cận với các nền tảng công nghệ hiện đại, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và mức độ hỗ trợ từ chính phủ cho nghiên cứu - phát triển (R&D). Một số quốc gia có chính sách khuyến khích chuyển giao công nghệ, trong khi số khác lại hạn chế hoặc yêu cầu nội địa hóa.

Thị trường tiêu thụ và chuỗi cung ứng

Việc phân tích nhu cầu tiêu dùng, mức độ cạnh tranh, hành vi khách hàng và xu hướng tiêu dùng tại nước sở tại sẽ tác động lớn đến mục tiêu mở rộng thị trường. Một thị trường có dân số đông, thu nhập tăng và tầng lớp trung lưu phát triển thường là điểm đến hấp dẫn. Ngoài ra, nhà đầu tư cần đánh giá khả năng kết nối với các thị trường lân cận thông qua các hiệp định thương mại tự do hoặc liên minh kinh tế khu vực.

Về chuỗi cung ứng, nhà đầu tư cần xác định mức độ sẵn có và ổn định của nguyên vật liệu, linh kiện, dịch vụ logistics và các nhà cung cấp phụ trợ. Việc thiết lập chuỗi cung ứng hiệu quả giúp giảm chi phí, rút ngắn thời gian giao hàng và tăng khả năng cạnh tranh.

Khả năng huy động vốn và thoái vốn

Khả năng tiếp cận nguồn vốn tại quốc gia đầu tư đảm bảo tính thanh khoản và khả năng mở rộng quy mô của doanh nghiệp. Nhà đầu tư cần đánh giá mức độ phát triển của thị trường tài chính, sự hiện diện của các ngân hàng quốc tế, quỹ đầu tư và tổ chức tài chính phi ngân hàng. Một số quốc gia có hệ thống tài chính phát triển, cho phép doanh nghiệp dễ dàng vay vốn, phát hành trái phiếu hoặc gọi vốn từ nhà đầu tư chiến lược. Doanh nghiệp cũng nên cân nhắc khả năng niêm yết tại nước sở tại như một bước đệm để tiếp cận thị trường vốn quốc tế.

Quan hệ song phương với Việt Nam

Mối quan hệ ngoại giao, kinh tế và thương mại giữa Việt Nam và nước tiếp nhận đầu tư có ảnh hưởng lớn đến môi trường đầu tư. Nhà đầu tư cần kiểm tra xem hai nước có ký kết hiệp định tránh đánh thuế hai lần, hiệp định bảo hộ đầu tư, hoặc hiệp định thương mại tự do hay không. Những hiệp định này giúp giảm chi phí, tăng tính an toàn pháp lý và mở rộng cơ hội tiếp cận thị trường. Ngoài ra, sự hiện diện của cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam tại quốc gia đầu tư cũng là một lợi thế, giúp hỗ trợ pháp lý, kết nối đối tác và xử lý các vấn đề phát sinh.

Để thuận tiện cho việc ra quyết định, nhà đầu tư có thể trả lời lần lượt các câu hỏi trong **danh sách các vấn đề cần đánh giá để lựa chọn thị trường đầu tư sau đây**:

CÂU HỎI	TRẢ LỜI
1. Mục tiêu đầu tư và chiến lược kinh doanh • Mở rộng thị trường, tiếp cận khách hàng • Tối ưu chi phí sản xuất • Nắm giữ tài sản, công nghệ • Tiếp cận vốn quốc tế • Tiếp cận nguồn nguyên liệu • An toàn pháp lý • Tận dụng ưu đãi và thuế • Mục tiêu khác	
2. Tính ổn định chính trị của nước tiếp nhận đầu tư • Chính phủ có thân thiện với nhà đầu tư nước ngoài không • Có rủi ro xung đột, bất ổn xã hội hoặc quốc hữu hóa không • Quan hệ với các quốc gia khác như thế nào, có bị giới hạn gì từ quốc gia khác không	
3. Môi trường pháp lý và chính sách đầu tư • Luật đầu tư nước ngoài có minh bạch, dễ dàng tiếp cận và tuân thủ không • Có những giới hạn nào đối với nhà đầu tư nước ngoài • Có yêu cầu về liên doanh hay giới hạn sở hữu không • Có hiệp định bảo hộ đầu tư với Việt Nam không • Các yêu cầu về bảo vệ môi trường, nhập khẩu, xuất khẩu • Các thủ tục pháp lý để đầu tư và vận hành có phức tạp không • Việc thay đổi chính sách, pháp luật như thế nào	
4. Thuế và ưu đãi đầu tư • Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế chuyển lợi nhuận về Việt Nam, thuế chuyển nhượng vốn như thế nào • Có hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam không • Có ưu đãi thuế cho nhà đầu tư nước ngoài không • Mức chi phí tối ưu qua chênh lệch thuế giữa Việt Nam và nước tiếp nhận đầu tư • Các chính sách bù đắp cho thuế tối thiểu toàn cầu • Có ưu đãi theo khu vực, địa bàn, ngành nghề kinh doanh không	

CÂU HỎI	TRẢ LỜI
5. Hệ thống tài chính và chuyển tiền quốc tế • Việc mở, đóng tài khoản và chuyển tiền quốc tế có dễ dàng không • Có thể tự do chuyển lợi nhuận, vốn đầu tư, cổ tức ra khỏi nước tiếp nhận đầu tư không • Có hạn chế ngoại hối, kiểm soát dòng vốn không	
6. Chi phí và cơ sở hạ tầng • Chi phí lao động, thuê đất, nhà xưởng, văn phòng, chi phí cố định thường xuyên khác • Hạ tầng công nghệ, điện, giao thông có đủ đáp ứng nhu cầu • Các ưu đãi về thuê đất, thuê nhà xưởng, văn phòng, ưu đãi khác • Chi phí thủ tục hành chính • Các khu sản xuất tập trung như khu công nghiệp, khu công nghệ cao có tính kết nối cao và hỗ trợ tốt không	
7. Nguồn nhân lực và công nghệ • Có nguồn nhân lực phù hợp không, việc tuyển dụng có dễ dàng không • Các yêu cầu về người lao động nước ngoài không • Các hỗ trợ về nhân lực và công nghệ cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	
8. Thị trường tiêu thụ và chuỗi cung ứng • Quy mô và tiềm năng tiêu thụ tại chỗ • Vị trí địa lý có thuận tiện cho logistic và xuất - nhập khẩu không • Tính kết nối với khu vực và thế giới	
9. Khả năng huy động vốn và thoái vốn • Có thị trường vốn phát triển để huy động vốn không • Việc chuyển nhượng dự án hoặc cổ phần/vốn góp có dễ dàng không • Có dễ dàng IPO ở thị trường quốc tế không	
10. Quan hệ song phương với Việt Nam • Có các hiệp định thương mại song phương nào • Cộng đồng doanh nghiệp và người Việt Nam ở quốc gia này như thế nào • Các hỗ trợ của cơ quan hai nước trong việc thành lập và vận hành doanh nghiệp • Mức độ tương đồng về văn hóa giữa hai nước	

2. LỰA CHỌN HÌNH THỨC ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Để thực hiện đầu tư ra nước ngoài, nhà đầu tư phải tuân thủ các hình thức đầu tư theo pháp luật Việt Nam, bao gồm:

- Thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư; thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;
- Đầu tư theo hình thức hợp đồng ở nước ngoài;
- Góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế ở nước ngoài để tham gia quản lý tổ chức kinh tế đó;
- Mua, bán chứng khoán, giấy tờ có giá khác hoặc đầu tư thông qua các quỹ đầu tư chứng khoán, các định chế tài chính trung gian khác ở nước ngoài;
- Trong trường hợp theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư, nhà đầu tư được phép đầu tư theo hình thức đầu tư khác.

Các hình thức nêu trên hầu hết là đầu tư trực tiếp, nhà đầu tư thực hiện việc quản lý hoạt động đầu tư. Trường hợp đầu tư gián tiếp, nhà đầu tư phải thực hiện thông qua quỹ đầu tư chứng khoán, các định chế tài chính trung gian khác ở nước ngoài. Việc lựa chọn hình thức đầu tư nào sẽ phụ thuộc vào mục đích, mục tiêu và các nguồn lực sẵn có của nhà đầu tư.

Trong phạm vi ấn phẩm này, chúng tôi tập trung vào hình thức thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư, thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện.

3. CÁC VẤN ĐỀ PHÁP LÝ KHI ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Khi lựa chọn đầu tư vào thị trường nào, nhà đầu tư cũng đã có bước đầu đánh giá về môi trường pháp lý của quốc gia tiếp nhận đầu tư.

a. Lựa chọn mô hình đầu tư

Nhà đầu tư có thể cân nhắc thành lập công ty hay chi nhánh, văn phòng đại diện tại nước tiếp nhận đầu tư phù hợp với mục tiêu của mình.

Chi nhánh và văn phòng đại diện thường không có tư cách pháp nhân độc lập mà vẫn là một đơn vị có tính chất phụ thuộc vào công ty mẹ ở trong nước. Công ty mẹ vẫn phải chịu trách nhiệm về hoạt động và các khoản nợ của chi nhánh, văn phòng đại diện. Để phân biệt, chi nhánh được phép hoạt động kinh doanh theo sự ủy quyền của công ty mẹ, được phép bán hàng và ký hợp đồng bán hàng, trong khi văn phòng đại diện chỉ thực hiện các hoạt động tìm hiểu thị trường, xúc tiến thương mại, không được bán hàng.

Đối với mô hình công ty, tùy từng quốc gia mà có cách phân loại công ty và tên gọi công ty khác nhau. Các tiêu chí phân loại bao gồm:

- Quy mô vốn điều lệ
- Nguồn vốn
- Số lượng, cơ cấu và trách nhiệm của nhà đầu tư
- Niêm yết hay không niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Mỗi hình thức và quy mô công ty sẽ có yêu cầu, quy định tương ứng về cơ cấu tổ chức, tính công khai, minh bạch của doanh nghiệp và cả thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế chuyển nhượng vốn góp/cổ phần. Do vậy, nhà đầu tư cần nghiên cứu đặc điểm, yêu cầu, ưu thế và bất lợi của mỗi loại hình doanh nghiệp để lựa chọn mô hình phù hợp với nhu cầu của mình.

b. Vốn đầu tư và tiến độ chuyển vốn đầu tư

Vốn đầu tư là vấn đề cần được xem xét trên cả phương diện pháp lý và tài chính. Để quyết định mức vốn đầu tư phù hợp, nhà đầu tư cần lưu ý tìm hiểu các vấn đề sau đây:

- Yêu cầu về mức vốn tối thiểu để thành lập một doanh nghiệp.
- Loại tài sản góp vốn được phép là gì?
- Mức vốn điều lệ dự định có đáp ứng được chi phí hoạt động cho công ty/chi nhánh/văn phòng đại diện tối thiểu một năm chưa?
- Ưu đãi thuế của nước tiếp nhận đầu tư có phụ thuộc vào mức vốn điều lệ của công ty không?
- Việc phân quyền cấp giấy phép của nước tiếp nhận đầu tư có dựa trên mức vốn điều lệ hay không?
- Quy định của nước tiếp nhận đầu tư về thời điểm, tiến độ, thủ tục góp vốn như thế nào?

Đối với thủ tục đăng ký đầu tư ra nước ngoài tại Việt Nam, nếu mức vốn đầu tư trên 20 tỷ đồng, cơ quan đăng ký đầu tư cần lấy ý kiến của Ngân hàng Nhà nước. Đối với tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài phải là vốn chủ sở hữu, trong đó không bao gồm vốn góp để thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam. Trường hợp sử dụng vốn góp tăng thêm để đầu tư ra nước ngoài thì nhà đầu tư thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài trước, sau đó thực hiện thủ tục tăng vốn và góp đủ vốn điều lệ tại Việt Nam trước khi chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài.

c. Ngành nghề kinh doanh

Nhà đầu tư Việt Nam cần nghiên cứu các ngành nghề kinh doanh được phép thực hiện tại nước tiếp nhận đầu tư dựa trên:

- Danh mục ngành nghề kinh doanh cấm đầu tư của Việt Nam và nước tiếp nhận đầu tư
- Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện của Việt Nam và nước tiếp nhận đầu tư
- Danh mục ngành nghề kinh doanh được ưu đãi đầu tư tại nước tiếp nhận đầu tư và điều kiện để được hưởng ưu đãi

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, các ngành nghề kinh doanh sau đây bị cấm đầu tư:

- Kinh doanh các chất ma túy quy định tại Phụ lục I của Luật Đầu tư;
- Kinh doanh các loại hóa chất, khoáng vật quy định tại Phụ lục II của Luật Đầu tư;
- Kinh doanh mẫu vật các loài thực vật, động vật hoang dã có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên quy định tại Phụ lục I của Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật, động vật hoang dã nguy cấp; mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng, thủy sản nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên quy định tại Phụ lục III của Luật Đầu tư;
- Kinh doanh mại dâm;
- Mua, bán người, mô, xác, bộ phận cơ thể người, bào thai người;
- Hoạt động kinh doanh liên quan đến sinh sản vô tính trên người;
- Kinh doanh pháo nổ;
- Kinh doanh dịch vụ đòi nợ;
- Kinh doanh mua bán bảo vật quốc gia;
- Kinh doanh xuất khẩu di vật, cổ vật;
- Ngành, nghề có công nghệ, sản phẩm thuộc đối tượng cấm xuất khẩu theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương.

Với dự án đầu tư ra nước ngoài trong các ngành nghề như ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, báo chí, phát thanh, truyền hình, kinh doanh bất động sản, nhà đầu tư nộp văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đáp ứng điều kiện đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp

luật có liên quan (nếu có). Trong lĩnh vực dầu khí, nhà đầu tư cần tuân thủ quy định tại Nghị định số 132/2024/NĐ-CP ngày 15/10/2024 của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí.

Trong trường hợp nhà đầu tư thành lập chi nhánh, ngành nghề đăng ký kinh doanh của chi nhánh tại nước tiếp nhận đầu tư phải phù hợp với ngành nghề của công ty mẹ ở Việt Nam.

d. Người đại diện theo pháp luật

Một số quốc gia yêu cầu người đại diện theo pháp luật của công ty phải là người có quốc tịch hoặc cư trú dài hạn tại nước đó nhưng nhiều quốc gia chấp nhận người nước ngoài giữ vị trí này. Vì vậy, nhà đầu tư cần tìm hiểu yêu cầu của nước tiếp nhận đầu tư về người đại diện theo pháp luật để có kế hoạch nhân sự phù hợp.

Nhà đầu tư cũng cần tìm hiểu xem công ty mình dự kiến thành lập có được phép có hơn một người đại diện theo pháp luật hay không, để từ đó bố trí nhân sự và phân quyền giữa những người đại diện theo pháp luật.

Một số nước như Singapore còn yêu cầu công ty phải thuê thư ký công ty, các nhà đầu tư cũng buộc phải biết để dự kiến chi phí và tìm bên cung cấp dịch vụ/nhân sự.

e. Trụ sở

Tùy vào mục đích của mình mà doanh nghiệp lựa chọn địa phương đặt trụ sở cho phù hợp. Thông thường các nhà đầu tư sẽ lựa chọn các thành phố lớn hoặc thành phố có chính sách ưu đãi tốt (như ưu đãi thuế, cung cấp văn phòng miễn phí hoặc với mức giá thấp, miễn, giảm tiền thuê đất...) hoặc gần nguồn nguyên liệu, nhân công và các khách hàng quan trọng... tại nước tiếp nhận đầu tư.

Một số quốc gia cho phép doanh nghiệp sử dụng “văn phòng ảo”, “văn phòng dịch vụ”, theo đó, doanh nghiệp chỉ cần thuê một địa chỉ để nhận thư từ, hoặc có thêm một vài chỗ ngồi, sử dụng phòng họp và không gian tiện ích chung trong một giới hạn nhất định. Nhưng không phải quốc gia nào cũng chấp nhận hình thức này nên nhà đầu tư cần tìm hiểu và tùy vào nguồn lực tài chính cũng như định vị thương hiệu để quyết định việc đặt trụ sở ở đâu.

f. Thuế và ưu đãi thuế

Mỗi quốc gia có một chính sách thuế khác nhau, một số nước phân chia mức thuế thu nhập doanh nghiệp dựa trên quy mô vốn điều lệ hoặc doanh thu của doanh nghiệp. Ngoài ra, một số quốc gia còn có ưu đãi thuế theo địa bàn, theo ngành, theo hàng hóa dịch vụ và tỉ lệ sử dụng người lao động địa phương hoặc các lao động đặc thù như lao động nữ, người khuyết tật...

Nhà đầu tư cũng cần lưu ý về thuế chuyển lợi nhuận về nước của nước tiếp nhận đầu tư, nghiên cứu hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa nước tiếp nhận đầu tư và Việt Nam.

g. Trình tự, thủ tục pháp lý để đăng ký hoạt động đầu tư

Để thu hút vốn đầu tư nước ngoài, thủ tục thành lập công ty ở nhiều quốc gia rất nhanh chóng, không yêu cầu nhiều giấy tờ. Nhưng ngược lại, một số quốc gia yêu cầu khá nhiều bước, nhiều cơ quan tham gia vào quá trình này. Các thủ tục mở tài khoản, góp vốn của mỗi quốc gia cũng khác biệt.

Tại Việt Nam, thủ tục đầu tư ra nước ngoài được phân cấp, phân quyền dựa trên quy mô vốn và ngành nghề kinh doanh. Một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc mức vốn lớn phải xin chấp thuận chủ trương đầu tư trước khi xin giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài.

Vì vậy, nhà đầu tư cần nắm rõ thủ tục đầu tư cả hai phía để có kế hoạch phù hợp.

4. LẬP DỰ ÁN/ ĐỀ XUẤT ĐẦU TƯ

Sau khi đã nghiên cứu đầy đủ về pháp lý và tài chính, nhà đầu tư cần lập dự án/đề xuất đầu tư. Đây vừa là văn bản làm cơ sở phê duyệt nội bộ, vừa là cơ sở để soạn thảo các tài liệu cần thiết cho việc xin giấy phép đầu tư ra nước ngoài tại cơ quan nhà nước Việt Nam. Dự án/đề xuất đầu tư có thể gồm các nội dung cơ bản sau đây:

- Sự cần thiết phải đầu tư ra nước ngoài: việc đầu tư ra nước ngoài giải quyết bài toán gì của doanh nghiệp - Thông tin dự án: • Tên dự án; • Hình thức đầu tư; • Địa điểm đầu tư; • Mục tiêu đầu tư; • Ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh; • Quy mô dự án; • Vốn đầu tư và tiến độ góp vốn, nguồn vốn (vốn chủ sở hữu, vốn vay...); • Hình thức đầu tư; • Đối tác tham gia đầu tư.	- Kế hoạch triển khai • Kế hoạch kinh doanh dự kiến: khách hàng, doanh thu, chi phí, lợi nhuận; trong đó có chi phí ban đầu và chi phí chung phải trả định kỳ; • Kế hoạch nhân sự dự kiến: số lượng lao động, người đại diện theo pháp luật và các nhân sự khác; • Các giải pháp về nguyên liệu, quy trình công nghệ, máy móc thiết bị; • Tiến độ triển khai dự án; - Hiệu quả kinh tế - xã hội; - Phân tích rủi ro và kế hoạch dự phòng; - Các vấn đề khác.
--	---

5. RỦI RO VÀ THÁCH THỨC KHI ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Doanh nghiệp cần nhận diện, đánh giá rủi ro và đưa ra phương án dự phòng khi lập dự án đầu tư ra nước ngoài. Dưới đây là ma trận rủi ro phổ biến khi đầu tư ra nước ngoài¹.

		RỦI RO CAO	RỦI RO RẤT CAO
TÁC ĐỘNG	CAO	- Rủi ro thuế và chuyển giá - Rủi ro tỷ giá và kiểm soát ngoại hối - Tranh chấp với cổ đông khác, với đối tác ở nước ngoài và người lao động - Mất kiểm soát đối với công ty con ở nước ngoài (bị nhà đầu tư nước ngoài, cổ đông sáng lập khác chiếm ưu thế về điều hành)	- Vi phạm pháp luật nước sở tại về đầu tư, thuế, lao động... - Rủi ro chính trị và thay đổi chính sách tại nước sở tại: bất ổn chính trị, luật pháp thay đổi, chiến tranh thương mại... - Không thu hồi được vốn, mất toàn bộ vốn đầu tư khi nước sở tại có kiểm soát dòng vốn ra, không chuyển lợi nhuận về Việt Nam được.
	THẤP	- Mất thương hiệu, tài sản sở hữu trí tuệ tại nước ngoài - Khác biệt văn hóa, môi trường kinh doanh và quản trị doanh nghiệp, dẫn đến mâu thuẫn nội bộ cũng như cản trở việc thực hiện chiến lược kinh doanh	- Không đạt được mục tiêu chiến lược - Rủi ro vận hành và chi phí duy trì hoạt động đầu tư - Thiếu năng lực điều hành tại nước ngoài - Vi phạm pháp luật Việt Nam về đầu tư ra nước ngoài
		THẤP	CAO
		XÁC SUẤT	

¹ Việc nhận diện và đánh giá rủi ro trong tài liệu này chỉ mang tính chất minh họa. Nhà đầu tư cần căn cứ vào dự án cụ thể để đánh giá.



PHẦN II: **THỦ TỤC ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI**

A. ĐỐI VỚI DỰ ÁN THÀNH LẬP CÔNG TY Ở NƯỚC NGOÀI

Bước 1: Nhà đầu tư xin chấp thuận chủ trương đầu tư trong những trường hợp dưới đây. Nếu dự án của nhà đầu tư không thuộc những trường hợp này thì sẽ được bỏ qua Bước 1.

- Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài đối với các dự án đầu tư sau đây:

- Dự án đầu tư có vốn đầu tư ra nước ngoài từ 20.000 tỷ đồng trở lên;
- Dự án đầu tư có yêu cầu áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt cần được Quốc hội quyết định.

Đối với các dự án này, Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước. Hội đồng thẩm định sẽ thực hiện thẩm định và báo cáo Chính phủ để làm cơ sở trình cơ quan thẩm tra của Quốc hội đánh giá trước khi Quốc hội lấy ý kiến thông qua.

- Trừ các dự án nêu trên, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài đối với các dự án đầu tư sau đây:

- Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, báo chí, phát thanh, truyền hình, viễn thông có vốn đầu tư ra nước ngoài từ 400 tỷ đồng trở lên;
- Dự án đầu tư không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này có vốn đầu tư ra nước ngoài từ 800 tỷ đồng trở lên.

Với các dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính sẽ xin ý kiến các bộ ngành liên quan, tổng hợp và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét thông qua.

Bước 2: Nhà đầu tư xin cấp giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài

- Trường hợp dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, Bộ Tài chính thực hiện việc cấp giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài sau khi nhận được văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư.

- Các trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư: Bộ Tài chính cấp giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài trên cơ sở hồ sơ hợp lệ của nhà đầu tư. Trường hợp vốn đầu tư ra nước ngoài lớn hơn 20 tỷ đồng, Bộ Tài chính sẽ lấy ý kiến của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đối với dự án đầu tư ra nước ngoài trong ngành nghề kinh doanh bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán, báo chí, phát thanh, truyền hình, kinh doanh bất động sản, hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài phải có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đáp ứng điều kiện đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có)

Bước 3: Nhà đầu tư đăng ký hoạt động ngoại hối

Sau khi được cấp giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài, thực hiện xong thủ tục đăng ký hoạt động kinh doanh tại nước tiếp nhận đầu tư và mở tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài, nhà đầu tư thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động ngoại hối tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh địa phương nơi nhà đầu tư có trụ sở chính.

Bước 4: Nhà đầu tư chuyển tiền đầu tư ra nước ngoài

Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện chuyển tiền đầu tư sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thông qua tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài đã đăng ký. Mỗi dự án sẽ sử dụng một tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài riêng và mọi hoạt động chuyển vốn ra nước ngoài, chuyển lợi nhuận về nước đều phải thông qua tài khoản này.

Bước 5: Nhà đầu tư báo cáo việc dự án đầu tư được chấp thuận hoặc cấp phép theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày dự án đầu tư được chấp thuận hoặc cấp phép theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư, nhà đầu tư phải gửi thông báo bằng văn bản về việc thực hiện hoạt động đầu tư ở nước ngoài kèm theo bản sao văn bản chấp thuận dự án đầu tư hoặc tài liệu chứng minh quyền hoạt động đầu tư tại nước tiếp nhận đầu tư cho Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước tiếp nhận đầu tư.

B. ĐỐI VỚI DỰ ÁN THÀNH LẬP CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN Ở NƯỚC NGOÀI

Bước 1: Nhà đầu tư thành lập văn phòng đại diện tại nước tiếp nhận đầu tư

Bước 2: Nhà đầu tư thông báo thành lập văn phòng đại diện ở nước ngoài tới cơ quan đăng ký kinh doanh

Bước 3: Nhà đầu tư xin cấp giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài tại Ngân hàng Nhà nước

Bước 4: Nhà đầu tư chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài

2. ĐIỀU KIỆN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Nhà đầu tư cần đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 60 Luật Đầu tư để được cấp giấy chứng nhận đầu tư là:

- Hoạt động đầu tư ra nước ngoài phù hợp với nguyên tắc quy định tại Điều 51 Luật Đầu tư;
- Không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư ra nước ngoài và đáp ứng điều kiện đầu tư ra nước ngoài đối với ngành, nghề đầu tư ra nước ngoài có điều kiện;
- Nhà đầu tư có cam kết tự thu xếp ngoại tệ hoặc có cam kết thu xếp ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài của tổ chức tín dụng được phép;
- Có quyết định đầu tư ra nước ngoài;
- Có văn bản của cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của nhà đầu tư. Thời điểm xác nhận của cơ quan thuế là không quá 03 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự án đầu tư.

3. CHUYỂN VỐN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

A. CHUYỂN VỐN ĐẦU TƯ TRƯỚC KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Trong trường hợp nhà đầu tư dự định đầu tư ra nước ngoài theo các hình thức đầu tư trực tiếp nêu tại khoản 1 Điều 52 Luật Đầu tư, nhà đầu tư được chuyển ngoại tệ, hàng hóa, máy móc, thiết bị ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài để đáp ứng các chi phí cho hoạt động hình thành dự án đầu tư, bao gồm:

- Nghiên cứu thị trường và cơ hội đầu tư;
- Khảo sát thực địa;
- Nghiên cứu tài liệu;
- Thu thập và mua tài liệu, thông tin có liên quan đến lựa chọn dự án đầu tư;
- Tổng hợp, đánh giá, thẩm định, kể cả việc lựa chọn và thuê chuyên gia tư vấn để đánh giá, thẩm định dự án đầu tư;
- Tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học;
- Thành lập và hoạt động của văn phòng liên lạc ở nước ngoài liên quan đến việc hình thành dự án đầu tư;

- Tham gia đấu thầu quốc tế, đặt cọc, ký quỹ hoặc các hình thức bảo lãnh tài chính khác, thanh toán chi phí, lệ phí theo yêu cầu của bên mời thầu, quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư liên quan đến điều kiện tham gia đấu thầu, điều kiện thực hiện dự án đầu tư;
- Tham gia mua bán, sáp nhập công ty, đặt cọc, ký quỹ hoặc các hình thức bảo lãnh tài chính khác, thanh toán chi phí, lệ phí theo yêu cầu của bên bán công ty hoặc theo quy định pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư;
- Đàm phán hợp đồng;
- Mua hoặc thuê tài sản hỗ trợ cho việc hình thành dự án đầu tư ở nước ngoài.

Nếu chuyển vốn dưới hình thức chuyển ngoại tệ, tổng số ngoại tệ này phải không vượt quá 5% tổng vốn đầu tư ra nước ngoài và không quá 300.000 đô la Mỹ. Số tiền này sẽ được tính vào tổng vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư.

Việc chuyển vốn phải được thực hiện thông qua một tài khoản ngoại tệ trước đầu tư được mở tại một tổ chức tín dụng được phép.

B. ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH NGOẠI HỐI SAU KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Nhà đầu tư sẽ phải đăng ký giao dịch ngoại hối tại Ngân hàng Nhà nước sau khi được cấp giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài tại Bộ Tài chính và được nước tiếp nhận đầu tư cấp giấy phép hoạt động (hoặc giấy tờ tương đương).

C. MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN NGOẠI TỆ Ở NƯỚC NGOÀI

Trong trường hợp nhà đầu tư thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, nhà đầu tư xin cấp giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để đáp ứng các điều kiện xin cấp phép thành lập và hoạt động cho chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư.

Sau khi thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, nhà đầu tư được phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để phục vụ hoạt động cho chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư.

4. SỬ DỤNG LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Sau khi hoàn thành nghĩa vụ thuế tại nước ngoài, nhà đầu tư Việt Nam có thể lựa chọn giữ lại phần lợi nhuận sau thuế để tiếp tục tái đầu tư tại nước ngoài, nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc phát triển các dự án mới hoặc nhà đầu tư có thể chuyển lợi nhuận sau thuế về Việt Nam để phục vụ các mục đích như bổ sung vốn cho doanh nghiệp trong nước, phân phối lợi nhuận cho cổ đông hoặc sử dụng cho các hoạt động kinh doanh khác. Việc lựa chọn hình thức sử dụng lợi nhuận phụ thuộc vào định hướng chiến lược và kế hoạch tài chính cụ thể của từng doanh nghiệp.

A. SỬ DỤNG LỢI NHUẬN Ở NƯỚC NGOÀI

Theo khoản 1 Điều 67 Luật Đầu tư, việc sử dụng lợi nhuận ở nước ngoài này phải nhằm một trong các mục đích sau:

- Tiếp tục góp vốn đầu tư ở nước ngoài trong trường hợp chưa góp đủ vốn theo đăng ký;
- Tăng vốn đầu tư ra nước ngoài;
- Thực hiện dự án đầu tư mới ở nước ngoài.

Đối với hai trường hợp đầu, nhà đầu tư phải thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo Điều 63 Luật Đầu tư. Đối với trường hợp giữ lại lợi nhuận để đầu tư cho dự án mới ở nước ngoài, nhà đầu tư phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo Điều 61 Luật Đầu tư.

B. CHUYỂN LỢI NHUẬN VỀ NƯỚC

Nhà đầu tư phải chuyển toàn bộ lợi nhuận thu được và các khoản thu nhập khác từ đầu tư ở nước ngoài về Việt Nam, chỉ trừ trường hợp giữ lại lợi nhuận như nêu ở trên.

Lợi nhuận chuyển về nước phải là lợi nhuận sau thuế. Điều đó có nghĩa là trước khi thực hiện chuyển lợi nhuận về nước, nhà đầu tư/dự án đầu tư phải đảm bảo hoàn thành các nghĩa vụ tài chính tại nước tiếp nhận đầu tư (nộp thuế, phí... theo quy định pháp luật nước tiếp nhận đầu tư).

Về thời điểm chuyển lợi nhuận: việc chuyển lợi nhuận về nước phải được thực hiện trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có báo cáo quyết toán thuế hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư.

Nếu trong thời hạn này mà không chuyển lợi nhuận và các khoản thu nhập khác về Việt Nam thì nhà đầu tư phải thông báo trước bằng văn bản cho Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tuy nhiên trong mọi trường hợp, thời hạn chuyển lợi nhuận về nước được kéo dài không quá 12 tháng kể từ ngày hết thời hạn 06 tháng quy định tại khoản 1 Điều 68 Luật Đầu tư.

5. BÁO CÁO ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

- Định kỳ hằng quý, hằng năm, nhà đầu tư gửi báo cáo tình hình hoạt động của dự án đầu tư cho Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước tiếp nhận đầu tư;
- Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có báo cáo quyết toán thuế hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư, nhà đầu tư báo cáo tình hình hoạt động của dự án đầu tư kèm theo báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán thuế hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư gửi Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước tiếp nhận đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư và quy định khác của pháp luật có liên quan;

6. ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài trong các trường hợp sau đây:

- Thay đổi nhà đầu tư Việt Nam;
- Thay đổi hình thức đầu tư;
- Thay đổi vốn đầu tư ra nước ngoài; nguồn vốn đầu tư, hình thức vốn đầu tư;
- Thay đổi địa điểm thực hiện hoạt động đầu tư đối với các dự án đầu tư yêu cầu phải có địa điểm đầu tư;
- Thay đổi mục tiêu chính của hoạt động đầu tư ở nước ngoài;
- Sử dụng lợi nhuận đầu tư ở nước ngoài theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 67 của Luật Đầu tư.

Đối với các dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài, khi điều chỉnh các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 63 và khoản 8 Điều 57 của Luật Đầu tư, Bộ Tài chính thực hiện thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư ra nước ngoài trước khi điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

Trường hợp đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài dẫn đến dự án đầu tư thuộc diện phải chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài thì phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài trước khi điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

7. CHẤM DỨT DỰ ÁN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

A. CÁC TRƯỜNG HỢP CHẤM DỨT HIỆU LỰC GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

- Nhà đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư;
- Hết thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư;
- Theo các điều kiện chấm dứt hoạt động được quy định trong hợp đồng, điều lệ doanh nghiệp;
- Nhà đầu tư chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư ở nước ngoài cho nhà đầu tư nước ngoài;
- Quá thời hạn 24 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài mà nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án đầu tư theo tiến độ đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước và không thực hiện thủ tục điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư;
- Tổ chức kinh tế ở nước ngoài bị giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư;
- Theo bản án, quyết định của Tòa án, phán quyết trọng tài.

B. THỦ TỤC CHẤM DỨT HIỆU LỰC GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

- Ngay sau khi kết thúc hoạt động đầu tư, nhà đầu tư phải thanh lý dự án đầu tư theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư.
- Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày có báo cáo quyết toán thuế hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư liên quan đến việc hoàn tất thanh lý dự án đầu tư, nhà đầu tư phải chuyển về nước toàn bộ các khoản thu từ việc thanh lý dự án đầu tư. Trường hợp có nhu cầu kéo dài thời hạn này, nhà đầu tư phải có văn bản đề nghị và nêu rõ lý do gửi Bộ Tài chính xem xét, quyết định. Việc gia hạn được thực hiện không quá một lần và không quá 06 tháng
- Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày hoàn tất việc thanh lý dự án đầu tư tại nước ngoài và chuyển về nước toàn bộ các khoản thu từ việc thanh lý dự án đầu tư (nếu có), nhà đầu tư làm thủ tục chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

C. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG CỦA CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN Ở NƯỚC NGOÀI

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chính thức chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, doanh nghiệp gửi thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp ở nước ngoài đến cơ quan đăng ký kinh doanh của Việt Nam.

8. HỒ SƠ THỰC HIỆN THỦ TỤC ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Dưới đây là thành phần hồ sơ thực hiện các thủ tục đầu tư ra nước ngoài theo quy định pháp luật. Trong nhiều trường hợp, để chứng minh đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật của dự án, cơ quan nhà nước có thể yêu cầu doanh nghiệp bổ sung thông tin, tài liệu. Doanh nghiệp cần liên hệ với luật sư để soạn theo đúng biểu mẫu và hướng dẫn bổ sung các tài liệu và giải trình cần thiết.

A. HỒ SƠ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI ĐỐI VỚI DỰ ÁN THUỘC DIỆN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

- Văn bản đăng ký đầu tư ra nước ngoài;
- Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;
- Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: hình thức, mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư; xác định sơ bộ vốn đầu tư, phương án huy động vốn, cơ cấu nguồn vốn; tiến độ thực hiện dự án, các giai đoạn đầu tư (nếu có); phân tích sơ bộ hiệu quả đầu tư của dự án;
- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

- Cam kết tự cân đối nguồn ngoại tệ kèm theo văn bản của tổ chức tín dụng được phép xác nhận số dư tài khoản ngoại tệ của nhà đầu tư hoặc văn bản cam kết thu xếp ngoại tệ cho nhà đầu tư của tổ chức tín dụng được phép;
- Văn bản của cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của nhà đầu tư theo quy định tại khoản 5 Điều 60 của Luật Đầu tư;
- Văn bản của cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài và báo cáo thẩm định nội bộ về đề xuất đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 59 của Luật Đầu tư hoặc quyết định đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật Đầu tư;
- Đối với dự án đầu tư ra nước ngoài trong các ngành, nghề có điều kiện, nhà đầu tư nộp văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đáp ứng điều kiện đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có);
- Tài liệu xác nhận địa điểm thực hiện dự án đầu tư tại nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Điều 73 của Nghị định 31/2021/NĐ-CP;
- Tài liệu xác định hình thức đầu tư ra nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Điều 74 của Nghị định 31/2021/NĐ-CP;
- Báo cáo về việc cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay gồm các nội dung: tên bên đi vay; tổng số tiền cho vay; mục đích, điều kiện cho vay; kế hoạch giải ngân; kế hoạch thu hồi nợ; biện pháp bảo đảm tài sản và phương thức xử lý tài sản bảo đảm (nếu có); phương án cân đối nguồn ngoại tệ để thực hiện cho vay; đánh giá khả năng tài chính của bên đi vay; mức độ rủi ro và dự kiến các biện pháp phòng ngừa rủi ro đối với khoản cho vay đối với trường hợp dự án đầu tư ra nước ngoài có nội dung nhà đầu tư cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay để thực hiện dự án đầu tư;
- Tài liệu xác định việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh phát sinh đối với trường hợp dự án đầu tư ra nước ngoài có nội dung nhà đầu tư bảo lãnh cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay để thực hiện dự án đầu tư;
- Các tài liệu khác có liên quan.

B. HỒ SƠ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI ĐỐI VỚI DỰ ÁN KHÔNG THUỘC DIỆN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

- Văn bản đăng ký đầu tư ra nước ngoài;
- Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;
- Quyết định đầu tư ra nước ngoài;
- Văn bản cam kết tự cân đối nguồn ngoại tệ kèm theo văn bản của tổ chức tín dụng được phép xác nhận số dư tài khoản ngoại tệ của nhà đầu tư hoặc văn bản cam kết thu xếp ngoại tệ cho nhà đầu tư của tổ chức tín dụng được phép;
- Văn bản của cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của nhà đầu tư theo quy định tại khoản 5 Điều 60 Luật Đầu tư;
- Đối với dự án đầu tư ra nước ngoài trong các ngành, nghề đầu tư có điều kiện, nhà đầu tư nộp văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đáp ứng điều kiện đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có);
- Tài liệu xác nhận địa điểm thực hiện dự án đầu tư tại nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Điều 73 của Nghị định 31/2021/NĐ-CP;
- Tài liệu xác định hình thức đầu tư ra nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Điều 74 của Nghị định 31/2021/NĐ-CP.

C. HỒ SƠ ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI ĐỐI VỚI DỰ ÁN THUỘC DIỆN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

- Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài;
- Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;
- Báo cáo tình hình hoạt động của dự án đầu tư đến thời điểm nộp hồ sơ điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài;

- Quyết định điều chỉnh hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Điều 59 của Luật này hoặc các văn bản quy định tại điểm e khoản 1 Điều 57 của Luật Đầu tư;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài;
- Văn bản của cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của nhà đầu tư trong trường hợp điều chỉnh tăng vốn đầu tư ra nước ngoài. Thời điểm xác nhận của cơ quan thuế là không quá 03 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.
- Các tài liệu quy định tại các điểm c, d, đ, e và g khoản 1 Điều 57 của Luật Đầu tư và các khoản 2, 4, 5, 6 và 7 Điều 75 của Nghị định 31/2021/NĐ-CP liên quan đến các nội dung điều chỉnh;
- Các tài liệu khác có liên quan.

D. HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

- Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài;
- Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;
- Báo cáo tình hình hoạt động của dự án đầu tư đến thời điểm nộp hồ sơ điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài;
- Quyết định điều chỉnh hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Điều 59 của Luật này hoặc các văn bản quy định tại điểm e khoản 1 Điều 57 của Luật Đầu tư;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài;
- Văn bản của cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của nhà đầu tư trong trường hợp điều chỉnh tăng vốn đầu tư ra nước ngoài. Thời điểm xác nhận của cơ quan thuế là không quá 03 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;
- Tài liệu quy định tại các điểm d và đ khoản 2 Điều 61 của Luật Đầu tư và các điểm b, d và đ khoản 1 Điều 78 của Nghị định 31/2021/NĐ-CP liên quan đến các nội dung điều chỉnh;
- Tài liệu xác định việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh phát sinh đối với trường hợp dự án đầu tư ra nước ngoài có nội dung nhà đầu tư bảo lãnh cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay để thực hiện dự án đầu tư.

E. HỒ SƠ THÔNG BÁO THÀNH LẬP CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN Ở NƯỚC NGOÀI

- Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương.

F. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH NGOẠI HỐI TRONG TRƯỜNG HỢP THÀNH LẬP CÔNG TY Ở NƯỚC NGOÀI

- Đơn đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài;
- Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp. Trong trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu có trách nhiệm xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính;
- Bản sao tiếng nước ngoài, bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của nhà đầu tư về tính chính xác của bản sao và bản dịch) văn bản chấp thuận hoặc cấp phép đầu tư do cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư cấp hoặc tài liệu chứng minh quyền hoạt động đầu tư tại nước tiếp nhận đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư;
- Bản chính văn bản xác nhận của tổ chức tín dụng được phép về việc mở tài khoản vốn đầu tư của nhà đầu tư trong đó nêu rõ số tài khoản, loại ngoại tệ;
- Bản chính văn bản xác nhận của tổ chức tín dụng được phép về số tiền nhà đầu tư đã chuyển ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài để đáp ứng các chi phí cho hoạt động hình thành dự án đầu tư ở nước ngoài theo quy định của pháp luật đối với trường hợp đã chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài;
- Văn bản giải trình về nhu cầu chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bằng đồng Việt Nam đối với trường hợp chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bằng đồng Việt Nam.

G. HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN NGOẠI TỆ Ở NƯỚC NGOÀI ĐỂ ĐÁP ỨNG CÁC ĐIỀU KIỆN XIN CẤP PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CHO CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN Ở NƯỚC NGOÀI

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc các giấy tờ khác tương đương theo quy định của pháp luật;
- Bản sao kèm bản dịch tiếng Việt tài liệu của bên nước ngoài chứng minh việc tổ chức kinh tế phải mở tài khoản tại nước sở tại để đáp ứng điều kiện xin cấp phép thành lập và hoạt động cho chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước sở tại;
- Bản sao kèm bản dịch tiếng Việt văn bản của cơ quan thẩm quyền của nước sở tại cho phép thành lập và hoạt động tạm thời cho chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có).

H. HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN NGOẠI TỆ Ở NƯỚC NGOÀI ĐỂ PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN Ở NƯỚC NGOÀI

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc các giấy tờ khác tương đương theo quy định của pháp luật;
- Bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền ở Việt Nam về việc cho phép hoặc xác nhận đăng ký việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài;
- Bản sao kèm bản dịch tiếng Việt văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cho phép được thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài;
- Quyết định về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài do người đại diện hợp pháp của tổ chức ký;
- Quyết định phê duyệt chi phí hàng năm cho hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài do người đại diện hợp pháp của tổ chức ký;
- Quy chế tổ chức hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài do người đại diện hợp pháp của tổ chức ký (nếu có).

I. HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CHẤM DỨT HIỆU LỰC GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

- Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài;
- Bản gốc các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đã cấp;
- Quyết định chấm dứt dự án đầu tư tại nước ngoài;
- Tài liệu chứng minh nhà đầu tư đã hoàn thành việc kết thúc, thanh lý dự án và chuyển toàn bộ tiền, tài sản, các khoản thu từ kết thúc, thanh lý dự án về nước;
- Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư.

Hồ sơ, thủ tục tại Việt Nam và nước tiếp nhận đầu tư cần phải đồng bộ. Để thống nhất tài liệu và tiến trình đầu tư hai nước được thông suốt, doanh nghiệp cần sự hỗ trợ của luật sư từ hai phía. Với đội ngũ luật sư dày dặn kinh nghiệm, đã tư vấn, hỗ trợ cho rất nhiều khách hàng đầu tư ra nước ngoài thành công, Công ty Luật TNHH TLA tự tin sẽ cung cấp giải pháp pháp lý tin cậy và dịch vụ tốt nhất cho Quý Khách hàng, cùng Quý Khách hàng đi đến thành công.



PHẦN III: CASE STUDY

1. CASE STUDY 1: CÔNG TY SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI GỖ TẠI VIỆT NAM ĐẦU TƯ SANG CHÂU PHI

Công ty cổ phần T.H – một doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh thương mại mặt hàng gỗ thành phẩm. Công ty tìm kiếm nguồn nguyên liệu gỗ ở nước ngoài khi mà nguồn nguyên liệu ở Việt Nam ngày càng khan hiếm và cuối cùng chọn Angola để đầu tư.

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ:

- Tiếp cận nguồn nguyên liệu gỗ tự nhiên chất lượng cao tại Angola để phục vụ nhu cầu sản xuất trong nước và xuất khẩu.
- Kiểm soát chuỗi cung ứng từ khai thác, chế biến đến xuất khẩu, nhằm đảm bảo chất lượng và giảm chi phí trung gian.
- Phát triển bền vững thông qua việc trồng rừng và hỗ trợ cộng đồng địa phương.

HÌNH THỨC ĐẦU TƯ VÀ CẤU TRÚC PHÁP LÝ

- Thành lập pháp nhân tại Angola (Công ty con): Công ty con được cấp phép hoạt động thương mại bởi Bộ Công thương Angola, với quyền khai thác và chế biến gỗ hợp pháp.

THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP

VẤN ĐỀ	THÁCH THỨC	GIẢI PHÁP
Tuân thủ pháp luật địa phương	Phải tìm hiểu và tuân thủ các quy định về khai thác và xuất khẩu gỗ tại Angola. Phải xin các giấy phép cần thiết cho việc xuất khẩu gỗ.	Hợp tác chặt chẽ với chính quyền địa phương và sử dụng dịch vụ tư vấn pháp lý chuyên nghiệp, chuyên sâu
Rủi ro chính trị và kinh tế	Biến động chính trị và kinh tế tại Angola có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh.	Thiết lập các biện pháp phòng ngừa rủi ro và duy trì mối quan hệ tốt với chính quyền địa phương
Khác biệt ngôn ngữ và văn hóa	Khác biệt văn hóa ảnh hưởng đến công tác đối nội, đối ngoại, hoạt động kinh doanh.	Sử dụng cố vấn địa phương và tổ chức đào tạo văn hóa cho đội ngũ tại Việt Nam. Tôn trọng phong tục, cộng đồng địa phương, thể hiện thiện chí hợp tác lâu dài.

THỰC HIỆN THỦ TỤC ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

- Xin cấp giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài;
- Mở tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài tại ngân hàng;
- Đăng ký giao dịch ngoại hối;
- Thực hiện chuyển tiền ra nước ngoài.

2. CASE STUDY 2: START UP CÔNG NGHỆ VIỆT GỌI VỐN QUA SPV THÀNH LẬP TẠI SINGAPORE

Công ty khởi nghiệp C.L có trụ sở tại Hà Nội, đang vận hành một nền tảng SaaS cung cấp dịch vụ quản trị doanh nghiệp. Để chuẩn bị cho vòng gọi vốn hạt giống, C.L tiếp cận một quỹ đầu tư mạo hiểm (VC). Trong quá trình thương thảo, quỹ VC yêu cầu C.L phải tái cấu trúc mô hình pháp lý thông qua việc thành lập một công ty mẹ tại Singapore – nơi sẽ là pháp nhân tiếp nhận vốn đầu tư trực tiếp.

MỤC TIÊU CỦA CẤU TRÚC SPV

Việc thiết lập pháp nhân tại Singapore không chỉ xuất phát từ yêu cầu của nhà đầu tư mà còn nhằm thực hiện các mục tiêu chiến lược và pháp lý như sau:

- Tăng tính hấp dẫn đối với nhà đầu tư quốc tế: Singapore được đánh giá cao về môi trường pháp lý minh bạch, hệ thống tư pháp hiệu quả và cơ chế bảo vệ cổ đông thiểu số theo chuẩn mực thông luật (common law);
- Tối ưu hóa cấu trúc thoái vốn: Việc góp vốn vào công ty mẹ tại Singapore cho phép nhà đầu tư thực hiện thoái vốn linh hoạt hơn, thông qua việc chuyển nhượng vốn tại SPV thay vì can thiệp trực tiếp vào công ty vận hành tại Việt Nam;
- Linh hoạt trong quản trị và kiểm soát: Việc ký kết điều lệ và thỏa thuận cổ đông (SHA) tại Singapore giúp xác lập rõ quyền kiểm soát, cơ chế chống pha loãng, quyền chọn lại (call option) và các điều khoản chống cạnh tranh (non-compete).

HÌNH THỨC ĐẦU TƯ

- Thành lập công ty tại Singapore. Công ty này đóng vai trò là công ty mẹ sở hữu toàn bộ vốn của công ty Việt Nam.

CẤU TRÚC PHÁP LÝ VÀ TRÌNH TỰ GIAO DỊCH

- Thành lập SPV tại Singapore: cổ đông sáng lập thực hiện việc đăng ký thành lập công ty tại Singapore.
- Hoán đổi cổ phần (share swap): Các cổ đông Việt Nam thực hiện giao dịch hoán đổi cổ phần.

THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP

VẤN ĐỀ	THÁCH THỨC	GIẢI PHÁP
Công ty Singapore không có hoạt động thực tế	Có thể bị coi là công cụ chuyển lợi nhuận ra nước ngoài trái pháp luật nhằm trốn thuế hoặc che giấu quyền sở hữu thực.	Thiết lập đầy đủ văn phòng, tài khoản ngân hàng, báo cáo tài chính tại Singapore.
Không gọi được vốn như kỳ vọng	Việc không gọi được vốn như kỳ vọng dẫn đến mô hình rỗng, khó duy trì hoạt động tại Singapore.	Cần tìm kiếm nhà đầu tư và ký điều khoản đầu tư sơ bộ trước khi thành lập SPV.
Chi phí duy trì hoạt động tại Singapore cao	Chi phí cao trong khi không gọi được vốn sẽ ảnh hưởng đến tính liên tục trong hoạt động của công ty.	Tối ưu các chi phí bằng việc sử dụng các dịch vụ chia sẻ, dịch vụ trọn gói với giá cả hợp lý.

THỰC HIỆN THỦ TỤC ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

- Xin cấp giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài;
- Mở tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài tại ngân hàng;
- Đăng ký giao dịch ngoại hối;
- Thực hiện hoán đổi cổ phần.

3. CASE STUDY 3: CÔNG TY CÔNG NGHỆ ĐẦU TƯ SANG NHẬT BẢN ĐỂ MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG

Công ty ABCTech Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực phần mềm, có nguồn nhân sự chất lượng cao để cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, mong muốn mở rộng thị trường sang Nhật Bản. Tuy nhiên, việc lập công ty khi chưa có khách hàng khá mạo hiểm, trong khi khách hàng Nhật Bản lại khó tiếp cận từ xa.

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ:

Nhật Bản là thị trường tiềm năng với nhu cầu sử dụng nhân sự công nghệ thông tin chất lượng cao. Do vậy, việc lập văn phòng đại diện giúp gặp gỡ trực tiếp khách hàng, giới thiệu năng lực, tăng cơ hội ký kết hợp đồng với khách hàng.

HÌNH THỨC ĐẦU TƯ

Thành lập văn phòng đại diện. Văn phòng đại diện không có chức năng kinh doanh, chỉ thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ kỹ thuật, tìm kiếm đối tác.

THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP

VẤN ĐỀ	THÁCH THỨC	
Rào cản ngôn ngữ, văn hóa	Khách hàng Nhật ưu tiên đối tác nói tiếng Nhật. Giáo tiếp với đối tác Nhật cần sự khéo léo, tôn trọng nghi thức.	Tuyển người bản địa; Đào tạo văn hóa cho nhân sự Việt Nam.
Chi phí duy trì hoạt động văn phòng đại diện cao	Không duy trì hoạt động được lâu dài.	Thuê văn phòng ảo, nhân sự part-time và duy trì quy mô nhỏ gọn.
Tuân thủ pháp luật nước sở tại	Công ty mẹ vẫn chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của văn phòng đại diện.	Thuê tư vấn từ luật sư chuyên nghiệp.

THỦ TỤC ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI:

- Thông báo việc thành lập văn phòng đại diện ở nước ngoài;
- Xin Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để phục vụ hoạt động văn phòng đại diện ở nước ngoài;
- Chuyển vốn ra nước ngoài.





TRUSTED
LEGAL
SOLUTIONS

Công ty Luật TNHH TLA là thành viên của Đoàn luật sư Hà Nội, được thành lập bởi các sáng lập viên là các luật sư nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn pháp lý cho các doanh nghiệp, doanh nhân và cá nhân. Thế mạnh của chúng tôi là cung cấp dịch vụ pháp lý trong lĩnh vực Đầu tư, Công nghệ thông tin, Viễn thông, Thương mại và M&A. Khách hàng của chúng tôi đa dạng, từ các doanh nghiệp vừa và nhỏ đến tập đoàn, tổng công ty có quy mô lớn.

Giá trị cốt lõi của TLA là Tin Cậy (Trust), Trung Thành (Loyalty) và Trách Nhiệm (Accountability) nhằm thực hiện sứ mệnh bảo vệ tối đa quyền lợi cho khách hàng bằng các Giải Pháp Pháp Lý Tin Cậy (Trusted Legal Solutions), giúp khách hàng kiểm soát được các rủi ro pháp lý, tiết kiệm chi phí, tăng trưởng lợi nhuận.

Phương châm hoạt động của TLA là cung cấp dịch vụ pháp lý với chất lượng cao nhất và mức phí phù hợp với ngân sách khách hàng.

Đội ngũ luật sư TLA không chỉ bao gồm các luật sư mà bao gồm các chuyên gia cao cấp về quản trị doanh nghiệp, tài chính, kiểm toán, định giá và truyền thông. Các luật sư của TLA vừa có kinh nghiệm hành nghề luật sư tại các công ty luật, vừa có kinh nghiệm làm pháp chế nội bộ cho các tập đoàn, công ty lớn nên chúng tôi có lợi thế hiểu biết về kinh doanh, cách thức vận hành doanh nghiệp đồng thời nắm bắt được mong muốn của lãnh đạo công ty để đưa ra những tư vấn chuyên sâu và phù hợp nhất.

Mọi thông tin xin liên hệ: **CÔNG TY LUẬT TNHH TLA**

Trụ sở: Tầng 1, BT16B6-23, Khu đô thị mới Mỗ Lao, Phường Mỗ Lao, Quận Hà Đông, Hà Nội

Email: info@tlalaw.vn | Tel: (+84)906 246 464 | Web: <http://www.tlalaw.vn>



DỊCH VỤ CỦA TLA

TƯ VẤN THƯỜNG XUYỀN

Trên cơ sở nhu cầu của doanh nghiệp, TLA cung cấp các gói dịch vụ pháp lý thường xuyên khác nhau:

- Rà soát, cung cấp ý kiến pháp lý về hợp đồng;
- Tư vấn về điều chỉnh, sửa đổi hệ thống văn bản quy định của công ty;
- Tư vấn về các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh: quản trị doanh nghiệp, lao động, thương mại, xuất nhập khẩu, sở hữu trí tuệ, thuế, đầu tư, dân sự, đấu thầu, hành chính, hình sự...;
- Tư vấn và hòa giải các tranh chấp nội bộ trong công ty, tranh chấp với khách hàng;
- Cử luật sư/chuyên viên pháp lý luôn sẵn sàng hỗ trợ;
- Tham gia họp nội bộ với lãnh đạo, phòng ban của khách hàng;
- Cập nhật, cung cấp các quy định mới của pháp luật.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- Tư vấn mô hình tổ chức, mô hình quản trị công ty, công tác quản trị giữa công ty mẹ và các công ty thành viên (Tập đoàn, Tổng công ty) hiệu quả và tuân thủ pháp luật;
- Tư vấn soạn thảo các quy chế, quy định, quy trình hoạt động trong công ty/tập đoàn;
- Tư vấn cơ cấu phân cấp phân quyền trong công ty/ tập đoàn;
- Tư vấn công tác quản trị, hoạt động công bố thông tin, báo cáo tuân thủ theo các quy định pháp luật của công ty đại chúng và công ty niêm yết;
- Dịch vụ Thư ký công ty, tư vấn hoặc trực tiếp triển khai các thủ tục và công tác tổ chức các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, xin ý kiến cổ đông bằng văn bản;
- Cung cấp thành viên Hội đồng quản trị độc lập, thành viên Ban kiểm soát cho các công ty đại chúng;
- Tư vấn các hoạt động phát hành cổ phần, cổ phần ưu đãi cho cán bộ nhân viên, thực hiện các thủ tục với cơ quan nhà nước;
- Kiểm tra, rà soát tư vấn hoàn thiện các khía cạnh hoạt động của công ty nhằm đảm bảo tuân thủ pháp luật.

TÁI CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

- Khảo sát và tư vấn phương án, kế hoạch tái cấu trúc hiệu quả;
- Tư vấn, xây dựng các quy chế, quy trình nhằm thiết lập một trật tự mới sau tái cấu trúc;
- Tư vấn, thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến việc sắp xếp lại doanh nghiệp, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp...;
- Hỗ trợ quản trị sự thay đổi, xây dựng văn hóa, đào tạo doanh nghiệp sau tái cấu trúc;
- Tư vấn xử lý các khoản nợ, tài sản của doanh nghiệp;
- Tư vấn xử lý tranh chấp với bên thứ ba trong thời gian doanh nghiệp thực hiện tái cấu trúc;
- Đại diện cho khách hàng làm việc với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, với tòa án, chủ nợ, người lao động và các bên thứ ba trong quá trình thực hiện tái cấu trúc.

TƯ VẤN HỢP ĐỒNG

- Soạn thảo bộ hợp đồng mẫu và hướng dẫn các phòng ban trong công ty đàm phán hợp đồng mẫu;
- Soạn thảo, rà soát, đàm phán hợp đồng phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty: hợp đồng lao động, hợp đồng mua, bán hàng hóa dịch vụ; hợp đồng thi công xây dựng, hợp đồng tư vấn, hợp đồng hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh...



MUA BÁN VÀ SÁP NHẬP

- Hợp tác với các đối tác định giá, kiểm toán, tư vấn tài chính để cung cấp gói giải pháp tổng thể cho giao dịch M&A;
- Thẩm định chuyên sâu pháp lý cho bên mua nhằm đánh giá toàn diện, làm cơ sở cho quyết định mua bán của bên mua;
- Rà soát pháp lý, hỗ trợ chuẩn bị hồ sơ thủ tục pháp lý cho bên bán nhằm phục vụ công tác thẩm định của bên mua;
- Tư vấn cấu trúc giao dịch phù hợp với mục tiêu và đặc thù pháp lý của mục tiêu;
- Soạn thảo, thẩm định, đàm phán hợp đồng mua bán, sáp nhập;
- Thực hiện thủ tục pháp lý để hoàn tất giao dịch bao gồm thủ tục thay đổi, sáp nhập, chia tách doanh nghiệp, dự án đầu tư, các thủ tục pháp lý liên quan đến đất đai, thông báo tập trung kinh tế...;
- Tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp sau mua bán, sáp nhập.

ĐẦU TƯ

TLA hỗ trợ khách hàng giải pháp A-Z từ tạo lập dự án đến khi chấm dứt dự án:

- Tư vấn về chính sách, ưu đãi, hình thức, địa điểm, thủ tục đầu tư tại Việt Nam;
- Soạn thảo hồ sơ, thực hiện thủ tục xin chấp thuận, điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án đầu tư tại Việt Nam; chấm dứt dự án;
- Tư vấn, soạn thảo hồ sơ và thực hiện thủ tục đầu tư ra nước ngoài tại cơ quan đăng ký đầu tư và ngân hàng nhà nước Việt Nam;
- Soạn thảo, đàm phán các hợp đồng hợp tác đầu tư, hợp đồng đối tác công tư; hợp đồng thuê đất; hợp đồng thuê nhà xưởng...;
- Tư vấn, thực hiện thủ tục chia, tách, chuyển nhượng dự án đầu tư.

BẤT ĐỘNG SẢN

- Rà soát pháp lý dự án, tư vấn khía cạnh pháp lý của chính sách bán hàng;
- Soạn thảo, rà soát hợp đồng mẫu mua bán sản phẩm cho người mua, nhà đầu tư thứ cấp;
- Soạn thảo, rà soát, đàm phán hợp đồng với các bên hợp tác đầu tư, nhà đầu tư thứ cấp, nhà thầu;
- Đại diện khách hàng giải quyết tranh chấp với đối tác, người mua, nhà đầu tư thứ cấp, nhà thầu;
- Đại diện khách hàng làm việc với cơ quan nhà nước.

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- Rà soát pháp lý dự án, tư vấn khía cạnh pháp lý của chính sách bán hàng;
- Soạn thảo, rà soát hợp đồng mẫu mua bán sản phẩm cho người mua, nhà đầu tư thứ cấp;
- Soạn thảo, rà soát, đàm phán hợp đồng với các bên hợp tác đầu tư, nhà đầu tư thứ cấp, nhà thầu;
- Đại diện khách hàng giải quyết tranh chấp với đối tác, người mua, nhà đầu tư thứ cấp, nhà thầu;
- Đại diện khách hàng làm việc với cơ quan nhà nước.

LUẬT SƯ RIÊNG CÁ NHÂN

TLA cung cấp dịch vụ luật sư riêng tin cậy cho cá nhân, bao gồm:

- Tư vấn, hỗ trợ cho các cá nhân trong hoạt động đầu tư, mua bán cổ phần;
- Tư vấn về hôn nhân, gia đình; thỏa thuận tài sản hôn nhân;
- Tư vấn về di chúc, thừa kế;
- Tư vấn về giao dịch đất đai, bất động sản; TLA hợp tác với các phòng công chứng để hỗ trợ khách hàng thực hiện các giao dịch đất đai, bất động sản;
- Tư vấn giải quyết tranh chấp dân sự, đất đai, thừa kế, hôn nhân gia đình, đầu tư, hành chính;
- Dịch vụ luật sư bào chữa cho khách hàng trong các vụ án hình sự.



TRUSTED
LEGAL
SOLUTIONS



TIN TƯỜNG
TRUST



TRÁCH NHIỆM
ACCOUNTABILITY



TRUNG THÀNH
ACCOUNTABILITY

